

Số: 126/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 22 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Bến tổng hợp
Định An thuộc cảng biển Trà Vinh giai đoạn đến năm 2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Đồng Bằng Sông Cửu Long (nhóm 6) giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-CHHVN ngày 27 tháng 6 năm 2014 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Bến tổng hợp Định An thuộc cảng biển Trà Vinh giai đoạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Bến tổng hợp Định An thuộc cảng biển Trà Vinh giai đoạn đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 42/2015/XDHG ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Hàm Giang xin phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu bến tổng hợp Định An (đính kèm Báo cáo kết quả thẩm định số 22/TĐQH-SXD ngày 30/12/2014 của Sở Xây dựng về Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu bến tổng hợp Định An, quy mô khoảng 122,81ha),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Bến tổng hợp Định An thuộc cảng biển Trà Vinh giai đoạn đến năm 2020 với những nội dung chính sau:

1. Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí: Xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

b) Ranh giới: ~~X/~~

- Phía Bắc giáp Trung tâm điện lực Duyên Hải;
- Phía Đông giáp với Tuyến luồng vào Trung tâm điện lực Duyên Hải;
- Phía Nam giáp với kênh đào Trà Vinh;
- Phía Tây giáp với đê Hải Thành Hoà.

c) Quy mô:

- Diện tích 122,81 ha. Trong đó: 32,45 ha đất liền, 86,04ha đất mặt nước và 4,32 ha đường dẫn vào bên.

- Tỷ lệ quy hoạch: 1/500.

2. Tính chất:

Bên tổng hợp Định An phục vụ phát triển các cơ sở công nghiệp trong Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Là cảng đầu mối của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long tiếp nhận cỡ tàu đến 50.000 DWT.

3. Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	Ký hiệu	Danh mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	BC	Bến cảng	9,21	7,50
2	BH	Bãi hàng container	26,57	21,64
3	TH	Bãi hàng tổng hợp	13,08	10,65
4	KX	Kho xưởng	8,29	6,75
5	VP	Khu hành chính, điều hành cảng và dịch vụ hải quan	2,00	1,63
6	HT	Đầu mối hạ tầng kỹ thuật	2,36	1,92
7	CX	Cây xanh	12,30	10,02
8	GT	Đường giao thông	24,38	19,85
9	KN	Khu nước trước bến	24,62	20,05
Tổng			122,81	100,00

Bảng danh mục sử dụng đất xây dựng các công trình:

TT	Kí hiệu	Khu chức năng	Diện tích	Tỷ lệ	Các chỉ tiêu đạt được	
			ha	%	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)
I	BC	Bến cảng	9,21	7,50	-	-
1	BC1	Bến cảng	1,75	1,42	-	-
2	BC2	Bến cảng	2,30	1,87	-	-
3	BC3	Bến cảng	1,75	1,42	-	-
4	BC4	Kè kết hợp bên	3,41	2,78	-	-
II	BH	Bãi hàng container	26,57	21,64	-	-
1	BH1	Bãi hàng container	9,01	7,34	40	1÷3

TT	Kí hiệu	Khu chức năng	Diện tích	Tỷ lệ	Các chỉ tiêu đạt được	
			ha	%	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)
2	BH2	Bãi hàng container	9,01	7,34	40	1÷3
3	BH3	Bãi hàng container	4,38	3,57	40	1÷3
4	BH4	Bãi hàng container	4,17	3,40	40	1÷3
III	TH	Bãi hàng tổng hợp	13,08	10,65	-	-
1	TH1	Bãi hàng tổng hợp	4,38	3,57	40	1÷3
2	TH2	Bãi hàng tổng hợp	4,17	3,40	40	1÷3
3	TH3	Bãi hàng tổng hợp	4,53	3,69	40	1÷3
IV	KX	Kho xưởng	8,29	6,75	-	-
1	KX1	Kho chứa hàng	4,16	3,39	40	1÷3
2	KX2	Kho chứa hàng	2,65	2,16	40	1÷3
3	KX3	Xưởng sửa chữa	1,48	1,21	40	1÷3
V	VP	Khu hành chính, điều hành cảng và dịch vụ hải quan	2,00	1,63	-	-
1	VP1	Khu hành chính, điều hành cảng và dịch vụ hải quan	2,00	1,63	40	1÷5
VI	HT	Đầu mối hạ tầng kỹ thuật	2,36	1,92	-	-
1	HT1	Đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0,95	0,77	40	1÷3
1	HT2	Đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,41	1,15	40	1÷3
VII	CX	Cây xanh	12,30	10,02	-	-
1	CX1	Cây xanh cảnh quan	5,80	4,72	-	-
2	CX2	Cây xanh cảnh quan	6,50	5,29	-	-
VIII	KN	Khu nước trước bến	24,62	20,05		
1	KN1	Khu nước trước bến	3,84	3,13		
2	KN2	Khu nước trước bến	16,18	13,17		
3	KN3	Khu nước trước bến	4,60	3,75		
IV	GT	Đường giao thông	24,38	19,85	-	-
1	GT1	Đường giao thông nội bộ	20,06	16,33	-	-
2	GT2	Đường giao thông kết nối cảng	4,32	3,52	-	-
Tổng			122,81	100,00	40	1÷5

4. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.

4.1. Tổ chức bố cục không gian kiến trúc cảnh quan:

- Đảm bảo phân khu chức năng hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng về điều kiện tự nhiên ngay trong giai đoạn đầu, tạo động lực phát triển bền vững trong tương lai. Các phân khu chức năng được bố trí thành các khu chức năng riêng nhưng vẫn có sự kết nối và hỗ trợ lẫn nhau. Bố trí các khu

chức năng hợp lý, liên hoàn tạo điều kiện khai thác tối đa hiệu suất từng khu và nâng cao hiệu quả khai thác của toàn bộ khu vực.

- Đảm bảo phát triển cảng gắn với phát triển chung của toàn Khu kinh tế Định An và vùng kinh tế đồng bằng sông Cửu Long.

- Đảm bảo khai thác hợp lý tiềm năng, tài nguyên thiên nhiên, đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội nhưng vẫn đảm bảo môi trường sinh thái bền vững.

4.2. Các khu chức năng chính:

a) Khu bến cảng được bố trí phía Đông Nam và phía Tây Nam của khu đất, đảm bảo tiếp nhận được các tàu chở hàng với trọng tải 30.000 - 50.000 DWT. Tổng diện tích quy hoạch: 9,21ha, chiếm tỷ lệ 7,5% diện tích đất quy hoạch.

b) Khu kho bãi chứa hàng được bố trí tại trung tâm đất quy hoạch bao gồm 03 phân khu riêng biệt; trong đó:

- Bãi chứa hàng (chứa hàng container và chứa hàng tổng hợp) được bố trí phía sau tuyến bến đảm bảo thuận lợi cho quá trình bốc xếp và giải phóng các tàu hàng nhanh chóng,

- Khu kho chứa hàng được bố trí nối tiếp phía sau bãi chứa hàng, phía trước khu văn phòng và khu cấp mạng hạ tầng kỹ thuật tạo thuận lợi cho công tác quản lý và làm thủ tục hải quan.

- Tổng diện tích 03 khu: 47,94ha, chiếm tỷ lệ 39,04% diện tích đất quy hoạch, gồm:

+ Bãi hàng container	: 26,57ha;
+ Bãi hàng tổng hợp	: 13,08ha;
+ Kho xưởng	: 8,29ha;
+ Mật độ xây dựng	: 40%;
+ Tầng cao tối đa	: 01÷03 tầng;
+ Khoảng lùi xây dựng	: 5m.

c) Khu hành chính, điều hành cảng và dịch vụ hải quan được bố trí tại phía Tây Bắc của khu đất, tiếp giáp tuyến đê Hải Thành Hòa, tạo thuận lợi cho việc điều hành và thực hiện quản lý cảng, quản lý của cơ quan nhà nước, nhu cầu sinh hoạt cho cán bộ, nhân viên trong cảng,... Tổng diện tích quy hoạch: 2,00ha, chiếm tỷ lệ 1,63% diện tích đất quy hoạch.

+ Mật độ xây dựng	: 40%;
+ Tầng cao tối đa	: 01 - 05 tầng;
+ Khoảng lùi xây dựng	: 5m.

d) Các khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Có 02 khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật; trong đó 01 khu phục vụ cung cấp hệ thống năng lượng cho toàn cảng, 01 khu bố trí bãi đỗ xe, chờ vào cảng. Tổng diện tích của 02 khu: 2,36ha.

+ Mật độ xây dựng	: 40%;
+ Tầng cao tối đa	: 01- 03 tầng;
+ Khoảng lùi xây dựng	: 5m.

e) Khu đầu mối giao thông: Mạng lưới giao thông trong cảng được thiết kế theo mô hình ô vuông và hỗn hợp, kết nối với đường ngoài cảng qua tuyến đường giao thông kết nối được quy hoạch nằm trong phạm vi dự án. Tổng diện tích giao thông nội bộ và đường giao thông kết nối là 24,38ha.

g) Đất cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly: Tổ chức cây xanh là yêu cầu cấp thiết, đảm bảo xanh - sạch - đẹp cho toàn hệ thống cảng. Cây xanh được bố trí bao quanh khu bến và xung quanh khu văn phòng điều hành tạo cảnh quan tự nhiên và thoáng mát, cung cấp môi trường không khí trong lành cho lao động trong cảng. Tổng diện tích các khu cây xanh: 12,3ha.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

5.1. Hệ thống giao thông:

a) Cảng biển:

- Xây dựng khu cảng biển hiện đại, đáp ứng cho tàu trọng tải lớn 30.000÷50.000DWT ra vào. Khu bến cảng bao gồm:

+ Khu bến cảng container cho tàu tổng hợp 30.000÷50.000DWT.

+ Khu kè kết hợp bến cập xà lan phục vụ chuyển tải và thu gom hàng hóa.

+ Tuyến luồng vào cảng rộng 150m, cao trình đáy luồng -11,0mHD tương đương với -14,12mNN đảm bảo an toàn cho tàu lớn nhất (tàu container 50.000DWT). Cao độ đáy giai đoạn đầu sử dụng cao độ đáy luồng vào nhà máy nhiệt điện Duyên Hải và Kênh đào Trà Vinh từ -6,5m đến -9,5m hệ Hải đồ.

- Dự kiến quy mô cảng trong từng giai đoạn như sau: Xây dựng mới 03 cầu cảng tiếp nhận tàu từ 30.000 DWT ÷ 50.000DWT, gồm 01 bến liên bờ dài 460m và 02 bến nhô, mỗi bến dài 350m. Hệ thống kho bãi, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các công trình phụ trợ, hệ thống trang thiết bị công nghệ quản lý khai thác hiện đại cũng được đầu tư đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, giải phóng tàu nhanh.

b) Đường bộ:

- Giải pháp thiết kế: Mạng lưới giao thông trong khu bến được thiết kế theo mô hình ô vuông và hỗn hợp, kết nối thuận lợi với tuyến đường phía sau Trung tâm nhiệt điện Duyên Hải. Chiều rộng mặt đường 3,5÷4,0m cho một làn xe và được phân chia thành các đường trục chính, phụ. Cụ thể:

- Về giao thông đối ngoại:

+ Mặt cắt ngang 80m (lòng đường: $32,5 \times 2 = 65\text{m}$, dải phân cách 5m, lề đường: $5 \times 2 = 10\text{m}$).

+ Mặt cắt ngang 40m (lòng đường: $15,0 \times 2 = 30\text{m}$, hè đường: $5 \times 2 = 10\text{m}$).

- Về giao thông đối nội:

+ Mặt cắt ngang 30m (lòng đường: $10 \times 2 = 20\text{m}$, hè đường: $5 \times 2 = 10\text{m}$).

+ Mặt cắt ngang 40m (lòng đường: $15 \times 2 = 30\text{m}$, hè đường: $5 \times 2 = 10\text{m}$).

+ Mặt cắt ngang rộng 80m (lòng đường: $32,5 \times 2 = 65\text{m}$, dải phân cách 5m, lề đường: $5 \times 2 = 10\text{m}$). \checkmark

- + Mặt cắt ngang 50m (lòng đường: $20m \times 2 = 40m$, dải phân cách rộng 5m, hè đường: 5m + một bên là cầu cảng).
- + Mặt cắt ngang 25m (lòng đường: 20m, hè đường: 5m + một bên là cầu cảng).
- + Tổng chiều dài mạng lưới đường giao thông: 3.503m.
- + Tổng diện tích đất giao thông đường bộ trực chính: 243.800m².
- + Các bãi đỗ xe được bố trí bên trong các bãi hàng, gần khu cổng ra vào.
- + Bán kính cong tại nơi giao nhau nhỏ nhất là $R = 20m$.
- + Độ dốc ngang: $i=2\%$ đảm bảo thoát nước trên mặt đường;
- + Kết cấu nền sử dụng kết cấu nền chung của toàn khu;
- + Kết cấu áo đường đảm bảo cho xe tải nặng hoạt động bình thường. Kết cấu áo đường được quy định trong các đồ án thiết kế kỹ thuật theo từng dự án thành phần, theo tiêu chuẩn 22TCN 211- 06 cấp hạng đường khu công nghiệp - cảng biển.

5.2. Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật.

a) San nền:

- Cao độ nền xây dựng $\geq +3,4$ m (hệ cao độ quốc gia).
- Cao độ thiết kế san nền thấp nhất: +3,4m (hệ cao độ quốc gia);
- Cao độ thiết kế san nền cao nhất: +3,9m (hệ cao độ quốc gia);
- Cao trình đỉnh bên: Căn cứ cao độ thiết kế san nền thấp nhất kết hợp với tính toán theo điều kiện chính và điều kiện kiểm tra để xác định cho phù hợp.
- Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy $i=0.4\%$.
- Hướng thoát nước từ trong nền các lô đất về hệ thống cống thoát nước mưa đặt dọc theo trục đường giao thông xung quanh các lô đất. Sau đó thoát ra các cửa xả đổ ra biển.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa đều có hướng thoát ra biển (hướng Tây Bắc - Đông Nam). Nước mưa tại các phân khu chức năng chảy theo mái dốc tự nhiên (0,4%) ra các hệ thống cống ngầm đặt dọc các tuyến đường giao thông.
- Mạng lưới thoát nước mưa được thiết kế dọc theo các tuyến đường quy hoạch, gồm: cống có nắp dẹt bố trí trên vỉa hè hai bên đường và cống ngầm được bố trí dưới vỉa hè có đường kính từ 300 đến 1000.

5.3. Hệ thống cấp nước:

- Nhu cầu sử dụng nước: 1.271 m³/ngày đêm.
- Nguồn nước: Nước của khu cảng sẽ được đầu nối với hệ thống cấp nước sạch chung của Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh.
- Hệ thống mạng đường ống cấp nước thiết kế dạng mạng vòng khép kín để thuận lợi và an toàn cho việc cấp nước khi xảy ra sự cố. Đường ống có đường kính từ 110 đến 200, dự kiến có tổng chiều dài 17,7km.
- Xây dựng hệ thống trạm bơm (01 trạm), hệ thống bể nước ngầm: 1.000m³ (01 bể) và hệ thống đài nước 25÷50m³ (01 đài) ✓

- Áp lực mạng lưới đủ cấp cho nhà 03 tầng, những nhà cao hơn 03 tầng bố trí tầng áp cục bộ.

- Chữa cháy: Mạng lưới được tính toán với 2 đám cháy, tiêu chuẩn 1 đám cháy 20 lít/s.

5.4. Hệ thống cấp điện:

- Tổng công suất dự kiến: 10MW.

- Nguồn điện và mạng điện: Nguồn điện được đấu nối với mạng trung thế của khu kinh tế Định An. Trong nội bộ cảng xây dựng 01 trạm tổng điều phối đặt tại khu trung tâm hạ tầng kỹ thuật, từ nguồn cấp điện 22KV đến 05 trạm trung gian hạ áp xuống lưới 0,4KV. Công suất các trạm trung gian từ 1.200 ÷ 2.000KVA, tổng công suất trạm là 10.500KVA.

- Hệ thống phân phối điện: Tất cả các tuyến điện 22KV được bố trí cáp điện đi ngầm. Từ trạm biến áp trung gian kéo các đường cáp điện ngầm 22KV theo hệ thống tuynel kỹ thuật dọc theo các vỉa hè đường chính và đường chia lô để cung cấp điện cho các lô đất.

- Hệ thống chiếu sáng đường và sân bãi: Hệ thống chiếu sáng được cấp từ trạm biến áp trung gian 22/0,4KV qua lưới 0,4KV. Khối lượng hệ thống chiếu sáng dự kiến: 08 cột đèn loại 02 bóng, 27 cột đèn loại 01 bóng, 39 cột đèn pha chiếu sáng bãi loại 0 bóng và 6.491m đường dây 0,4KV

5.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Nước thải:

- Nước thải từ các khu vực sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, nước rửa bãi chứa hàng tổng hợp, hàng rời,... Các khu vực xả nước thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực phải đảm bảo chất lượng nước thải theo tiêu chuẩn về nước thải công nghiệp - tiêu chuẩn thải. Đối với các khu vực có đặc thù riêng được xử lý sơ bộ, loại bỏ các tạp chất độc hại ngay tại khu vực, sau đó mới cho chảy vào đường ống thoát nước thải của khu vực. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại rồi cho chảy ra mạng thoát nước thải của toàn khu.

- Tổng khối lượng nước thải cho toàn khu là khoảng 1.221 m³/ngày.

- Nước thải từ mạng thoát nước thải được tập trung và xử lý tại khu xử lý nước thải tại vị trí khu vực hạ tầng kỹ thuật, cách ly với các khu vực lân cận bằng dây cây xanh; bố trí trạm xử lý nước thải với công suất trạm 1.500 m³/ngày đêm. Các tuyến cống thoát nước thải sử dụng cống HDPE đặt bên hè đường để thu nước thải từ các nhà máy dẫn tự chảy về trạm xử lý nước thải tập trung. Các hố ga được đặt cách nhau 30÷50m.

- Để đảm bảo thoát nước thải cho toàn cảng, dự kiến sẽ xây dựng hệ thống đường cống và các trạm bơm như sau:

+ Đường ống thoát nước thải đường kính 200, dài 1.115m.

+ Trạm xử lý nước thải: 01 trạm; công suất phục vụ từ 1.500 m³/ngày đêm.

b) Chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, có 02 thành phần chính chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ. Chất thải rắn hữu cơ được

dùng để sản xuất thành phân vi sinh, chất thải rắn vô cơ (thủy tinh, giấy, nhựa, kim loại, sắt thép,...) được thu hồi để tái chế. Các chất thải rắn còn lại không sử dụng được vào các mục đích trên được chôn lấp hợp vệ sinh.

- Chất thải rắn của cảng được tận thu. Các loại phế liệu có thể sử dụng được tận thu để tái chế hoặc tái sử dụng. Loại không sử dụng được, được chuyển đến khu xử lý tập trung. Chất thải rắn trong khu cảng nguy hại được xử lý riêng bằng nhà máy xử lý chất thải rắn tại khu vực, chất thải rắn không nguy hại được chôn lấp hợp vệ sinh. Tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn và khí thải.

- Đối với phế thải là dầu mỡ và các chất thải khác không được đổ bừa bãi và tránh để rơi vãi khi vận chuyển. Tàng cơ sở sản xuất, nhà máy phải có hệ thống thu gom rác và xử lý theo quy trình.

5.6. Hệ thống thông tin liên lạc:

Thiết kế lắp đặt một tổng đài khoảng 130 số để đáp ứng nhu cầu thông tin cho toàn bộ hệ thống kho cảng. Liên lạc với Bưu điện trung tâm bằng cáp trung kế; toàn bộ mạng cáp trong khu vực dùng cáp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đi ngầm, vị trí trên vỉa hè cách bó vỉa 3,5m.

Điều 2. Chủ đầu tư (Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Hàm Giang) có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế Trà Vinh, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải và các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

- Căn cứ nội dung quy hoạch được phê duyệt, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện; tổ chức cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa khi quy hoạch được công bố.

- Lập kế hoạch cụ thể để thực hiện quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Hàm Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải và Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng NC: KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTKT. 15 bản

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong